

Số: /2017/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Dự thảo 2

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Căn cứ Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 188/1999/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tuần làm việc 40 giờ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Văn bản này áp dụng đối với giáo viên ở các cơ sở giáo dục công lập, bao gồm: trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường chuyên, trường, lớp dành cho người khuyết tật (sau đây gọi chung là các trường phổ thông)”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Nhiệm vụ của giáo viên

Nhiệm vụ của giáo viên thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học, Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường chuyên, trường dự bị đại học”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“1. Thời gian làm việc của giáo viên tiểu học trong năm học là 42 tuần, trong đó:

a) 35 tuần dành cho việc giảng dạy và các hoạt động giáo dục theo quy định về kế hoạch thời gian năm học.

b) 05 tuần dành cho học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

c) 01 tuần dành cho việc chuẩn bị năm học mới.

d) 01 tuần dành cho việc tổng kết năm học.

2. Thời gian làm việc của giáo viên trung học cơ sở và trung học phổ thông trong năm học là 42 tuần, trong đó:

a) 37 tuần dành cho việc giảng dạy và hoạt động giáo dục theo quy định về kế hoạch thời gian năm học.

b) 03 tuần dành cho học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

c) 01 tuần dành cho việc chuẩn bị năm học mới.

d) 01 tuần dành cho việc tổng kết năm học.

3. Thời gian làm việc của giáo viên trường dự bị đại học là 42 tuần, trong đó:

a) 32 tuần dành cho việc giảng dạy và hoạt động giáo dục theo quy định về kế hoạch năm học;

b) 8 tuần dành cho xây dựng tài liệu, học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ;

c) 01 tuần dành cho việc chuẩn bị năm học mới;

d) 01 tuần dành cho việc tổng kết năm học.

4. Thời gian nghỉ hằng năm của giáo viên gồm: nghỉ hè, nghỉ tết âm lịch, nghỉ học kỳ và các ngày nghỉ khác, cụ thể như sau:

a) Thời gian nghỉ hè của giáo viên hằng năm là 02 tháng (bao gồm cả nghỉ phép), được hưởng nguyên lương và các phụ cấp (nếu có);

b) Thời gian nghỉ tết âm lịch, nghỉ học kỳ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Các ngày nghỉ khác theo quy định của Luật lao động.

Căn cứ kế hoạch năm học, quy mô, đặc điểm, điều kiện cụ thể của từng trường, hiệu trưởng bố trí thời gian nghỉ hằng năm cho giáo viên một cách hợp lý theo quy định”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 6 như sau:

“2. Định mức tiết dạy của giáo viên trường chuyên biệt:

a) Định mức tiết dạy của giáo viên trường phổ thông dân tộc nội trú là 17 tiết ở cấp trung học cơ sở, 15 tiết ở cấp trung học phổ thông;

b) Định mức tiết dạy của giáo viên trường phổ thông dân tộc bán trú là 21 tiết ở cấp tiểu học, 17 tiết ở cấp trung học cơ sở;

c) Định mức tiết dạy của giáo viên trường, lớp dành cho người khuyết tật là 11 tiết đối với giáo viên ở cấp tiểu học, 17 tiết đối với giáo viên ở cấp trung học cơ sở;

d) Định mức tiết dạy của giáo viên trường dự bị đại học là 12 tiết”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

a. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Định mức tiết dạy/năm đối với hiệu trưởng được tính bằng: (2 tiết/tuần) x (số tuần dành cho giảng dạy và các hoạt động giáo dục theo quy định về kế hoạch thời gian năm học được quy định tại khoản 3, Điều 1 của Thông tư này);

Định mức tiết dạy/năm đối với phó hiệu trưởng được tính bằng: (4 tiết/tuần) x (số tuần dành cho giảng dạy và các hoạt động giáo dục theo quy định về kế hoạch thời gian năm học được quy định tại khoản 3, Điều 1 của Thông tư này)”.

b. Bổ sung thêm khoản 2a như sau:

“ 2a. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường phổ thông không được quy đổi các chức vụ kiêm nhiệm thay cho tiết dạy định mức được quy định tại điểm a, khoản 5 Điều này”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Chế độ giảm định mức tiết dạy đối với giáo viên kiêm nhiệm công tác chủ nhiệm lớp ở trường chuyên biệt:

Giảm 4 tiết/tuần đối với giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông dân tộc nội trú cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông, ở trường chuyên, trường bán trú và trường dự bị đại học; Giảm 3 tiết/tuần đối với giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường, lớp dành cho người khuyết tật”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“Giảm 3 tiết/tuần đối với tổ trưởng chuyên môn; 1 tiết/tuần đối với tổ phó chuyên môn”.

c) Bổ sung thêm khoản 5a như sau:

“ 5a. Giảm 4 tiết/tuần đối với giáo viên kiêm trưởng phòng chức năng; giảm 2 tiết/tuần đối với giáo viên kiêm phó trưởng phòng chức năng trường dự bị đại học”.

d) Bổ sung thêm khoản 5b như sau:

“5b. Giáo viên kiêm nhiệm các công việc chuyên môn chỉ được hưởng chế độ giảm định mức tiết dạy của tiết kiêm nhiệm có số tiết dạy cao nhất”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“1. Giáo viên kiêm bí thư đảng bộ, bí thư chi bộ trường hạng I được giảm 4 tiết/tuần, các trường hạng khác được giảm 3 tiết/tuần.

1a. Giáo viên kiêm nhiệm công tác công đoàn thực hiện giảm định mức tiết dạy theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ giảm định mức giờ dạy cho giáo viên, giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Giáo viên kiêm công tác bí thư đoàn, phó bí thư đoàn cấp trường được hưởng chế độ, chính sách theo Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề.

3. Giáo viên kiêm chủ tịch hội đồng trường, thư ký hội đồng trường được giảm 2 tiết/tuần.

4. Giáo viên kiêm trưởng ban thanh tra nhân dân trường học được giảm 2 tiết/tuần.

5. Giáo viên kiêm nhiệm công tác Đảng, đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường chỉ được hưởng chế độ giảm định mức tiết dạy của chức vụ có số tiết giảm cao nhất”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 10 như sau:

“2. Giáo viên nữ có con nhỏ từ 12 tháng trở xuống, mỗi tuần được giảm 3 tiết (đối với giáo viên trung học phổ thông, trung học cơ sở và giáo viên trường dự bị đại học); giảm 4 tiết (đối với giáo viên tiểu học).

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“ 2. Ngoài nhiệm vụ giảng dạy chính ở trên lớp, giáo viên còn phải thực hiện những hoạt động chuyên môn và các hoạt động khác theo sự phân công của hiệu trưởng. Việc quy đổi những hoạt động này ra tiết dạy để tính số giờ giảng dạy cho từng giáo viên được thực hiện như sau:

a) Đối với giáo viên được huy động làm công tác viên thanh tra thì thời gian làm việc quy đổi được tính theo Thông tư số 31/2014/TT-BGDĐT ngày 16/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 54/2012/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác viên thanh tra giáo dục;

b) Đối với giáo viên được huy động tham gia công tác hướng dẫn, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ do Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo thì 1 tiết giảng dạy thực tế được tính bằng 1,5 tiết định mức;

c) Báo cáo ngoại khóa cho học sinh do nhà trường tổ chức (có giáo án hoặc đề cương báo cáo) thì mỗi tiết báo cáo thực tế được tính bằng 1,5 tiết dạy định mức;

d) Hiệu trưởng nhà trường căn cứ tình hình thực tế quy định việc quy đổi tiết dạy đối với các công việc chuyên môn khác sau khi có ý kiến đồng ý của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo theo phân cấp quản lý”.

b) Bổ sung thêm khoản 2a như sau:

“2a. Tiết dạy chuyên môn của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng thực hiện theo quy định sau:

a. Dạy các nội dung trong chương trình giáo dục phổ thông (đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) hoặc khung chương trình (đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường dự bị đại học) do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

b. Việc thực hiện tiết dạy chuyên môn đảm bảo số tiết theo quy định tại khoản 5, Điều 1 của Thông tư này và công khai tại hội nghị công chức, viên chức của nhà trường”.

Điều 2. Bổ sung cụm từ “trường dự bị đại học” vào sau cụm từ “trường, lớp dành cho người khuyết tật” tại khoản 1, Điều 1 của Thông tư này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng.....năm 2017.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Văn phòng Quốc Hội;
- UBVHGDTNTNNĐ của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Các Sở GDĐT (để triển khai thực hiện);
- Công báo, Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Cục NGCBQLGD, Vụ Pháp chế.

BỘ TRƯỞNG

Phùng Xuân Nhạ